

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*-----  
Bản án số: **79/2020/DS-ST**  
Ngày 12/6/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Phạm Thị Thúy An.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Đoàn Văn Quang.**

**2. Ông Nguyễn Văn Mạnh.**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị N**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện T, tỉnh G.

- *Bị đơn:* **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 08/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Do mối quan hệ thân thiết bà và chị H cùng làm ăn buôn bán ở chợ thị xã X, chị H gọi bà bằng má nuôi. Vì vậy, bà đứng ra chơi hụi dùm cho chị H Nều phần hụi của Nều đây hụi khác nhau nhưng sau khi hốt hụi chị H không đóng hụi chết nên bà phải đóng hụi chết thay cho chị H. Đến ngày 21/11/2019, bà và chị H thỏa thuận thống nhất chuyển từ tiền nợ hụi sang tiền vay để chị H buôn bán H ngày trả nợ dần cho bà, chị H còn nợ bà số tiền 210.000.000 đồng và có làm biên nhận cùng ngày, chị H có ký tên. Đến ngày 19/12/2019 âm lịch, chị H vỡ nợ, bà đã Nều lần liên lạc yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H cố tình trốn tránh không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu chị H trả lại bà số tiền còn nợ là 210.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

\* Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giao dịch giữa bà N và chị H ban đầu là hợp đồng góp hui nhưng sau đó, các bên đã thỏa thuận chuyển số tiền nợ hui sang tiền vay theo biên nhận ngày 21/11/2019. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà N và chị H là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị H.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà N yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 210.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/11/2019 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, do xuất phát từ mối quan hệ thân thiết nên bà N đứng ra chơi hui dùm cho chị H nhiều phần hui của các dây hui khác nhau nhưng sau khi hết hui chị H không đóng hui chết, bà N phải đóng hui chết thay cho chị H. Sau đó, hai bên thỏa thuận thống nhất số tiền chị H còn nợ bà N là 210.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/11/2019, chị H có ký tên vào biên nhận, thỏa thuận cho chị N trả dần. Tuy Nền đến ngày 19/12/2019 âm lịch, chị H vỡ nợ và cố tình tránh mặt không trả tiền cho bà. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ gì để phản đối lại yêu cầu khởi kiện của bà N nên chị H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, yêu cầu của bà N là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị H có nghĩa vụ trả lại bà N số tiền là 210.000.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi, bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị H có nghĩa vụ trả nợ nên chị H phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà N không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.**

- Buộc chị Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **210.000.000 đồng** (*Hai trăm mười triệu đồng*) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

• Chị H phải chịu án phí là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

• Hoàn lại bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.250.000 đồng (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 47295 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà N được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng chị H thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

**\*Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Thúy An**

